

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 4 năm 2026

ĐƠN ĐĂNG KÝ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở xây dựng Quảng Ngãi

1. Tên cơ sở : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG KVINA

Đại diện: Ông Huỳnh Thanh Khiết

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Địa chỉ: 40 Nguyễn năng Lự, phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tel : 0913447310 – 0981629359

Email: kvina1655@gmail.com

Website : <http://kiemdinhkvina.com>

3. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định KVINA.

Địa chỉ: 40 Nguyễn năng Lự, phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trưởng phòng thí nghiệm : Kỹ sư Huỳnh Thanh Khiết

Tel: 0948267018 – 0913447310

4. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm thực hiện .

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003 ASTM C188-C204;
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích.	TCVN 6017:2015 ASTM C187-C191;
	Xác định độ nở Sunphat	TCVN 6068:2004
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3016:1993; ASTM C143; AASHTO T119
	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107:1993

	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993 ASTM C232
	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:1993 ASTM C173- C231 AASHTO T119
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993 ASTM C642
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993 ASTM C642
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993 ASTM C642
	Xác định độ co	TCVN 3117:1993 ASTM C157 AASHTO T160
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993 ASTM C39-C42 AASHTO T22-T140
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993 ASTM C293-C78 AASHTO T97-T177
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993 ASTM C496 AASHTO T198
	Xác định mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
	Xác định cường độ kéo nôn khoan	USACE CRD-C-164
	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông tươi	ASTM C1064-99
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012 TCXDVN 376:06
	Xác định pH của vữa và bê tông	TCVN 9339:2012
	Xác định cường độ của cột điện bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 5847:1994
	Thiết kế mác bê tông thường (PL)	QĐ 778/BXD ;
	Thiết kế mác vữa (PL)	22TCN 60:84
	Khoan mẫu từ cấu kiện	ASTM C42
3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2: 06
	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3: 06
	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước.	TCVN 7572-4: 06
	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá	TCVN 7572-5: 06

	gốc và cốt liệu lớn.	
	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hong.	TCVN 7572-6: 06
	Xác định độ ẩm.	TCVN 7572-7: 06
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-8: 06
	Xác định tạp chất hữu cơ.	TCVN 7572-9: 06
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 06
	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 06
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles).	TCVN 7572-12: 06
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn.	TCVN 7572-13: 06
	Xác định hàm lượng sulfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16: 06
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá.	TCVN 7572-17: 06
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20: 06
	Thí nghiệm cát nghiền : Xác định thành phần hạt; hàm lượng sét; khả năng phản ứng kiềm-silic trong cát nghiền; hàm lượng Cl-; Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm	TCVN 9205:2012
	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91
	Phương pháp xác định góc dốc tự nhiên của Cát	ASTM D1993-99
	Xác định hàm lượng clorua.	TCVN 7572-15 : 06
	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14 : 06
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 06
	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19 : 06
	Xác định độ dẻo của hạt mịn trong cát	ASTM D4318
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy.	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt.	TCVN 4198:2012
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông.	TCVN 4200:2012 ASTM D2435
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn.	TCVN 4201:2012 22TCN 333:2006
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng).	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006 AASHTO T193-93
	Xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và	TCVN 8868:2011

	cổ kết – thoát nước của đất trên thiết bị nén 3 trục (UU, CU, CD)	ASTM D2850 ASTM D4767
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
	Xác định góc nghỉ của đất rời	TCVN 8724:2012
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
	Xác định độ co ngót của đất	TCVN 8720:2012
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012
5	THỬ NGHIỆM XI MĂNG ĐẤT	
	Thành phần cấp phối	TCVN 9403:2012; TCVN 9906:2014; TCVN 9438:2012
	Tính thấm	
	Cường độ chịu nén	
6	THỬ NGHIỆM ĐÁ XÂY DỰNG	
	Lấy mẫu	TCVN 8733:2012
	Cấp phối đá	CIRIA C683
	Cường độ chịu nén	TCVN 10324:2014;
	Độ bền cắt đá	TCVN 10323:2014
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 10322:2014
	Độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014
	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012
5	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197:2014
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn trên vật liệu kim loại	TCVN 5402:2010
	Thử kéo mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo bu lông, đai ốc	ASTM A370
	Thí nghiệm cơ tính mối ống nối ren (coupler)	TCVN 8163:2009
	Vật liệu kim loại ống – Thử kéo	TCVN 314:2008
	Thí nghiệm neo (kích thước hình học, độ tụt neo và hiệu suất neo)	22 TCN 247: 1998/2000

	Kiểm tra các mối hàn bằng siêu âm – Các phương pháp kiểm tra bằng tay các mối hàn nóng chảy trong thép ferit	TCVN 165:1988, TCVN 6735 : 2000 (BS 3923-1:1986), AWS D1.1; AWS D1.6, BS EN ISO 17640; AS 2207, JIS G0584; JIS Z3060
	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396:1986, ASTM E709; AS 1171, BS EN ISO 17638
	Kiểm tra không phá hủy – Phương pháp thâm thấu	TCVN 4617:1988, ASTM E165; AS 2062, BS EN ISO 3452-1
	Đo chiều dày lớp phủ - lớp phủ không từ. Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng;	TCVN 5878:2007 TCVN 2095-93 TCVN 5408:2007
	Kiểm tra độ cứng kim loại – Phương pháp Brinell Kiểm tra độ cứng kim loại – Phương pháp Rockwell	TCVN 256-1:2006 TCVN 257:2007
	Thử nghiệm bu lông: Thử kéo bu lông; Xác định độ dai va đập; xác định độ cứng; Thử kéo đứt bu lông; kiểm tra khuyết tật; xác định hệ số mômen xiết; thử đứt gãy trên vòng đệm cát	TCVN 1916: 1995 22TCN 204; 1991
	Thử nghiệm cơ lý vật liệu nhôm; gang đúc; nắp gang	TCVNVN 330-04; ISO 13-78; BS EN 124-2015
	Thí nghiệm nén nắp ống cống	TCVN 10333-2014; BS EN 124-2015
	Thí nghiệm nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2014; BS EN 124-1994
	Thử kéo thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
	Thử nghiệm cáp ứng lực trước (Cường độ, độ giãn dài; độ tụ neo; môđun đàn hồi..)	ASTM A370
	Chiều dày lớp mạ kim loại – Lớp sơn	TCVN 4392:1986
	Lưới thép	TCVN 5758-1993
	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm nóng trên bề mặt gang và thép	TCVN 5408:1991
	Thử nghiệm hệ số xiết của bulong cường độ cao	JIS B1186 – TCVN 1916
6	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172
	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041
	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm chặt	TCVN 8860-5:2011

	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Phương pháp xác định độ góc cạnh	TCVN 8860-7:2011
	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
	Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862:2011
7	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005 ASTM D5-97
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005 ASTM D113-99
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Dụng cụ vòng bi)	TCVN 7497:2005 ASTM D36-00
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy	TCVN 7498:2005 ASTM D92-02b
	Xác định lượng tồn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005 TCVN 11711
	Xác định tỷ lệ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu	TCVN 7495:2005
	Xác định lượng hòa tan trong Tricloroethylene	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005
	Xác định độ nhớt động lực	TCVN 8818-5
	Xác định hàm lượng paraffin bằng pp chung cất	TCVN 7503:2005
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
	Xác định chỉ số độ kim lún PI của nhựa đường	TCVN 13567-1:2022
8	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011
	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
9	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
	Xác định độ lắng, độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011

	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
	Xác định chưng cất	TCVN 8817-9:2011
	Xác định bay hơi	TCVN 8817-10:2011
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11:2011
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm	TCVN 8817-12:2011
	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
10	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định thành phần hạt; Xác định hàm lượng nước; Xác định hàm lượng chung bụi, bùn, sét; Xác định độ ẩm ; Xác định lượng mất khi nung; Xác định khối lượng riêng của bột khoáng; Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Xác định chỉ số dẻo; Xác định hệ số thích nước ; Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp khoáng và nhựa đường; Xác định độ trương nở của hỗn hợp khoáng và nhựa đường; Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	TCVN 8735; TCVN 12884; TCVN 4197
11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE	
	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định hàm lượng cát; Xác định độ pH; Tỷ lệ chất keo; Độ dày áo sét; Lực cắt tĩnh; Độ ổn định	TCVN 9395:2012 ASTM D4380:84 ASTM D4381:84 ASTM D4972:89
12	THỬ NGHIỆM GỖ, VÁN GỖ	
	Xác định số vòng năm; sức chống tách	TCVN 8045:09; TCVN 8046:09
	Xác định độ hút ẩm; độ giãn dài; độ co rút	TCVN 359:70; TCVN 360:70; TCVN 361:70; TCVN 8046:09
	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Khối lượng thể tích; độ bền uốn tĩnh; nén vuông góc với thớ; ứng suất kéo song song thớ; ứng suất kéo vuông góc thớ; ứng suất cắt song song thớ; độ bền cắt song song thớ của gỗ xẻ; độ bền uốn va đập; độ cứng va đập; độ cứng tĩnh; độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến; độ co rút thể tích; độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến; độ giãn nở thể tích	TCVN 8048-1÷16:09
	Xác định kích thước; độ vuông góc; độ thẳng cạnh; độ ẩm; khối lượng thể tích; Trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước; Trương nở chiều dày; Mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh; Độ bền kéo vuông góc với mặt ván; Độ bền ẩm; Chất lượng dán dính của ván gỗ dán; Độ bền bề mặt; Lực bám giữ đinh vít; Hàm lượng Formandehyt; Độ thay đổi kích	TCVN 7756-1÷16:09

	thước khi thay đổi độ ẩm	
	Ván sàn gỗ nhân tạo: Xác định: Độ trương nở chiều dày; Độ bền bề mặt; Độ thay đổi kích thước khi thay đổi độ ẩm	EN 13329:2006 (a)
13	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm bằng PP dao đại.	TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012
	Xác định Độ ẩm, khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát.	22TCN 346:2006 TCVN 8729:2012
	Xác định modul đàn hồi “E” nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11
	Xác định modul đàn hồi “E” theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Ben kelman.	TCVN 8867:11
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
	Phương pháp thử tải uốn, nén cầu kiện bê tông cốt thép	ASTM D6272
	Quan trắc vết nứt	TCVN 9364:2012
	Quan trắc độ rung	TCVN 6964-2:2008
	Quan trắc độ ồn, bụi bẩn	TCVN 7878-1:2008; TCVN 5509:1991
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9365:2012
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
	Cọc khoan nhồi- xác định tính đồng nhất của bê tông- PP xung siêu âm	TCVN 9396: 2012
	Cọc- Thí nghiệm bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:00
	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:2008
	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429
	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8731:2012

	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong lòng đất, xác định mức chất lỏng dưới bề mặt trong lỗ khoan hoặc giếng giám sát	TCVN 8869:2011; ASTM D5092; ASTM 4750
	Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép, thép neo, bu lông	ASTM D3689
	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9357:2012
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông.	TCVN 9356:2012
	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn	TCVN 9347:2012
	Xác định độ dính nền của lớp phủ mặt kết cấu	TCVN 9491:2012
	Xác định lực kéo nhỏ, khả năng bám dính của thép với bê tông	TCVN 9490:2012
	Thí nghiệm thử tải giàn và khung trần treo	JGJ 7:1991 ASTM C635M-07
14	THỬ NGHIỆM CỐNG HỘP BÊ TÔNG CỐT THÉP	
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; kích thước và độ sai lệch kích thước; khả năng chống thấm nước, kiểm tra cường độ bê tông; kiểm tra khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9116:2012; TCVN 3118:1993; TCVN 9335:2012
	THỬ NGHIỆM ỐNG CỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC : Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; nhãn mác; kích thước và độ sai lệch kích thước; khả năng chống thấm nước, kiểm tra cường độ bê tông; kiểm tra khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9113:2012
15	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
	Xác định thời gian điều chỉnh; Xác định hệ số hút nước do mao dẫn (vữa cho bê tông nhẹ)	TCVN 9028:2011

	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987
16	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
	Đảm nén chặt đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định cường độ kháng ép đất gia cố bằng chất kết dính; Xác định mô đun biến dạng đất gia cố bằng chất kết dính	22TCN 59:1984
	Xác định mô đun đàn hồi đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013
	Xác định cường độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
17	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009
	GẠCH BÊ TÔNG : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ hút nước; Xác định thấm nước; Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999 ASTM C140/140M
	GẠCH TERAZO : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013
	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) : Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ nén; Xác định độ co khô	TCVN 7959:2011
	GẠCH BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP : Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định độ co; Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2011
	GẠCH GÓM ÓP LÁT, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN : Xác định kích thước cơ bản , khuyết tật ; Xác định cường độ chịu uốn ; Xác định khối lượng thể tích ; Độ chịu mài mòn bề mặt; Độ chịu mài mòn sâu ; Xác định độ hút nước	TCVN 6415:2005
	CƠ LÝ NGÓI LỘP : Xác định tải trọng uốn gãy của ngói; Xác định độ hút nước của ngói; Xác định thời gian xuyên nước của ngói; Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
	CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN : Kiểm tra ngoại quan và sai lệch kích thước; Độ mài mòn; Độ hút nước; Độ chịu lực xung kích; Tải trọng uốn gãy từng viên; Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065: 95
	GẠCH LÁT GRANITO : Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn; Xác định độ chịu lực va đập xung kích; Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 6074:1995
	GẠCH BÊ TÔNG NHỆ : Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước;	TCVN 9030:2017

	Xác định độ co khô, Xác định khối lượng thể tích, độ co khô	
18	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN, ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO	
	Xác định hình dạng, kích thước; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ cứng vạch bề mặt; độ vuông góc; độ phẳng	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
19	THỬ NGHIỆM NGÓI TRÁNG MEN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; tải trọng uốn gãy; độ hút nước; khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước; độ bền rạn men; độ bền hóa của men	TCVN 7195:2012
20	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM, VỎ BỌC BẮC THẨM, MÀNG CHỐNG THẨM, LƯỚI ĐỊA	
	Cường độ kéo giãn, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bắc thẩm, lực xé rách, khả năng chống xuyên (CBR), lực kháng xuyên thùng thanh, áp lực kháng bụi, kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô, độ thấm xuyên, độ nhỏ bằng pp con sợi	TCVN 8871:2011 TCVN 8485:2010 TCVN 8487:2010 ASTM D4491/D1907-07
	Độ dày danh định	TCVN 8220:2009
	Khối lượng trên một đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
	Cường độ chịu kéo của mỗi nối	TCVN 9138:2012
	Xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
	Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010
	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
	Lưới địa – Xác định cường độ chịu kéo theo phương dọc, phương ngang, độ giãn dài danh nghĩa theo phương dọc, độ giãn dài danh nghĩa theo phương ngang, cường độ chịu kéo tại 2% độ giãn dài, cường độ chịu kéo tại 5% độ giãn dài, Trọng lượng đơn vị, kích thước mắt lưới, tuổi thọ trong môi trường pH	EN ISO 10319 EN ISO 9864 EN 13249-2015
21	THỬ NGHIỆM BĂNG CẢN NƯỚC	
	Khối lượng riêng	TCVN 4866:2007, BS 2782:620
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 4509:2006 ASTM D412:98, BS 2782:365B
	Xác định độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:2007 ISO 868-2003(E) BS 2782:365B
	Độ kháng kiềm	TCVN 4509:2006
	Xác định sai lệch so với kích thước danh nghĩa; Xác định tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt; Xác định độ bền hóa chất	TCVN 7756-2:2007, TCVN 4486:2013, TCVN 9407:2014,

		BS 2782-1:130A:1991, BS EN 62:2008
	Thí nghiệm cát nghiền : Xác định thành phần hạt; hàm lượng sét; khả năng phản ứng kiềm-silic trong cát nghiền; hàm lượng Cl-; Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75mm	TCVN 9205:2012
22	THỬ NGHIỆM SƠN TƯỜNG – SƠN NHỮ TƯƠNG	
	Xác định độ bám dính của màng sơn trên nền xi măng - cát	TCVN 2097:2015
	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015 ISO 2409:2013
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi; Xác định độ nhớt	TCVN 6934:2001
	Ngoại quan màng sơn, xác định độ bền nước; Xác định độ rửa trôi; Phương pháp thử chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-1÷5:2012
	Sơn tường – Sơn nhũ tương – PP xác định độ bền nhiệt ẩm màng sơn	TCVN 9405:2012
	Màu sắc	TCVN 2102:2008
	Xác định độ mịn	TCVN 2091: 2015
	Xác định độ phủ	TCVN 2095: 1993
	Độ thấm nước	TCVN 8652:2012
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của sơn phản quang	TCVN 7887:2018
23	THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG TRẦN THẠCH CAO	
	Xác định kích thước; Xác định độ cứng của cạnh; Cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhổ đinh; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; Xác định độ thẩm thấu hơi nước; Kích thước, độ thẳng, độ vuông góc, độ bền bám lớp phủ, khả năng chịu tải của thanh chính	TCVN 8257-1÷8:2009 ASTM C635:2007 JIS H 0401:2013 JIS G3302:2010
24	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4650:12
	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:12
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4650:12
	Xác định độ pH	TCVN 6492:11
	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 2671:78; TCVN 6186:96; TCVN 4565:98
	Xác định hàm lượng Canxi, Magie	TCVN 6296:2000
	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6193-3:2000
25	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT	
	Xác định độ đầm chặt theo phương pháp khô và ướt	ASTM D559:96
	Xác định độ bền theo thời gian	ASTM D560:96
	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:07

	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:06
	Xác định cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635:12
26	THỬ NGHIỆM THẠCH CAO	
	Xác định hàm lượng CaSO ₄ .2H ₂ O; Xác định hàm lượng nước liên kết; Xác định hàm lượng SO ₃	TCVN 8654:2001
27	TẮM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG	
	Thời gian không xuyên nước; Lực uốn gãy; Khối lượng thể tích; Độ xuyên nước	TCVN 4435:2000
28	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, HDPE, PVC-U, PE, PPR VÀ CÁC PHỤ KIỆN	
	Kiểm tra kích thước – độ dày	TCVN 6145:2007
	Xác định độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 7434:2004
	Xác định độ bền áp suất bên trong	TCVN 6149:2007; ISO 1167:2006
	Thử áp suất ống nhựa	TCVN 7305:2005
	Thử độ chịu nhiệt	ASTM-D1525
	Độ bền áp suất thủy tĩnh ở điều kiện 20 ⁰ C trong 1h và 60 ⁰ C trong 1000h	TCVN 6149-1,2:2007, ISO 1167:2006; ASTM D 1599-14
	Xác định hàm lượng chiết ra Chì – Cadimi – Thủy ngân	TCVN 6146:1996 TCVN 6140:1996
	Độ biến dạng không vỡ; Độ bền nén; Tính uốn cong (ống HDPE); Độ va đập; Độ bền kéo; Độ bền nén (ống PVC); Nhiệt độ hóa mềm Vicat; Độ hấp thụ nước; Độ bền màu; Độ bền chịu ăn mòn hóa học; Khả năng khó cháy; Điện áp đánh thủng của ống PVC	TCVN 8699:2011
	Ống và phụ tùng ống nối bằng PVC, xác định: tỷ trọng; hệ số giãn nở nhiệt; độ bền kẹp đứt; nhiệt độ làm việc tối đa; mô đun đàn hồi; điểm mềm vicat; điện trở suất bề mặt	TCVN 6151:1996
29	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
	Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày, độ cong vênh, độ truyền sáng; Xác định độ bền nhiệt; Xác định độ bền va đập bằng bi rơi; Xác định độ bền va đập bằng con lắc; Xác định bề mặt kính tôi; Xác định độ bền mài mòn.	TCVN 7219:2004 TCVN 7364:2004 TCVN 7368:2004 TCVN 7455:2004 TCVN 7528:2004
30	THỬ NGHIỆM DÂY CÁP ĐIỆN, DÂY ĐIỆN	
	Xác định đường kính, tiết diện sợi đồng; Xác định chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc; Thử kéo, xác định đường kính ruột dẫn, đường kính dây	TCVN 6612:2007; TCVN 6614:2008; TCVN 5935:2013; TCVN 1548:1987
31	THỬ NGHIỆM VỮA KHÔ TRỘN SẴN KHÔNG CO	
	Xác định độ chảy; Xác định độ tách nước; Xác định cường độ; Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết;	TCVN 9204:2012, ASTM C939/939M,

	Xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vừa đã đóng rắn.	ASTM C940, TCVN 6016:2011, TCVN 3121:11:2003, ASTM C109, ASTM C827, ASTM C157/157M
32	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU NHẹ CHO BỀ TÔNG – SỎI, DÀM SỎI VÀ CÁT KERAMZIT	
	Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền xi lanh; Xác định khối lượng mất khi đun sôi; Xác định độ hút nước; Xác định độ ẩm.	TCVN 6221:1997
33	THỬ NGHIỆM VỮA KEO DÁN GẠCH	
	Cường độ bám dính khi cắt; Xác định độ trượt; Xác định độ mịn; Xác định thời gian công tác; Thời gian mở; Xác định biến dạng ngang; Xác định độ bền hóa	TCVN 7899-2:2008
34	THỬ NGHIỆM NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM	
	Sai lệch kích thước về hình dạng	TCVN 5841:1994
	Độ bền kéo	TCXDVN 330:2004
	Độ cứng HV	TCVN 257:2007
	Lớp màng oxy hóa	TCVN 5878:2007
	Thành phần hóa học	TCVN 5910:1995
	Dung sai kích thước chiều dày	TCXDVN 330:2004
	Lớp phủ không từ trên nền từ - đo chiều dày lớp phủ	TCVN 5878:1995
	Độ giãn dài tương đối	TCXDVN 330:2004
35	THANH PROFILE POLYVINYL CLORUA KHÔNG HÓA ĐỂ (PVC-U) DÙNG ĐỂ CHẾ TẠO CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ	
	Kích thước và dung sai thanh profile, nhôm định hình	TCVN 5838:1994; TCVN 5841:1994; BS 4873:2009; BS EN 12608:2003
	Độ võng, khối lượng thanh profile chính	BS EN 12608:2003
	Độ bền kéo giãn dài khi đứt	TCVN 4501-1:2009; ISO 527-1:2012
	Độ bền uốn, modul đàn hồi	ISO 178:2003; ASTM D170
	Độ cứng Shore D	ISO 7619-1:2010
36	THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM VÀ VẬT LIỆU XĂM KHE, SƠN EPOXY, SƠN ANKYD	
	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 2097:2015
	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn, xác định độ bền nước, xác định độ kiềm	TCVN 8653-2÷4:2012
	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2008
	Xác định màu sắc (pp ngoại quan)	TCVN 2102:2008
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993

	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2013
	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:2007
	Xác định độ bền chọc thủng, độ bền nhiệt	TCVN 9067-2,3:2012
	Xác định độ bền kéo, độ bền hóa chất trong môi trường kiềm, nước, muối (bằng cân nước)	TCVN 9407:2014
	Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước, cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt, khả năng cày vết nứt ở điều kiện thường, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh 150Kpa trong 7 ngày	BS EN 14891:2007
	Xác định độ cứng Shore A, ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến khối lượng, cường độ bám dính silicon xâm khe	TCVN 8267-3,4,6:2009
37	RỌ ĐÁ MẠ KẼM BỌC NHỰA PVC	TCVN 10335:2014
	Kích thước mắt lưới, đường kính dây thép	ASTM D975
	Cường độ chịu kéo đứt của dây thép	TCVN 197:2002 ASTM A370
	Khối lượng riêng của nhựa PVC	ASTM D792
	Độ cứng vỏ bọc nhựa	ASTM D2240
	Cường độ chịu kéo , độ giãn dài nhựa PVC	ASTM D412
38	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG, PHỤ GIA CHỐNG THẨM	
	Xác định độ pH	TCVN 8826: 2011 ASTM C494:12 ASTM C1017M:07 AASHTO M194:11 BS EN 480:2014 JIS A 6204:11; TCVN 3117:93, ASTM C157/C157M TCVN 8826:2011, TCVN 141: 2008 ASTM C494:12,
	Xác định tỷ trọng	
	Xác định hàm lượng chất khô, hàm lượng Clo	
	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước và ảnh hưởng đến thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông và cường độ bê tông; Ảnh hưởng của phụ gia đến độ co ngót của bê tông	
	Xác định hàm lượng Kali Oxyt (K ₂ O, Natri Oxyt (Na ₂ O)	
39	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CHO BÊ TÔNG (Tro bay, Puzolan. Tro trấu, Metan cao lanh)	
	Xác định độ mịn; Xác định khối lượng riêng của phụ gia; Xác định chỉ số hoạt tính của phụ gia	TCVN 8827:2011 TCVN 8825:2011 ASTM C311-11 JIS A6201:99 ASTM C430 ASTM C1240-11
	Hàm lượng các oxit: SiO ₂ ; Fe ₂ O ₃ ; Al ₂ O ₃ ; Mg0; CaO; Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008; TCVN 7131:2002 ASTM C 114

	Kiểm tra tính ăn mòn cho Sunfat của phụ gia thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia	TCVN 8825-2011; TCVN 8827-2011; ASTM C311-11; JIS A6201-99; EN 14277-4:2004
40	THỬ NGHIỆM SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG (SƠN KẼ ĐƯỜNG PHẢN QUANG NHIỆT ĐỎ)	
	Xác định màu sắc	ASTM D 6628:03
	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:1993
	Xác định: Độ phát sáng; độ bền nhiệt; nhiệt độ hóa mềm; độ mài mòn; độ kháng chảy; độ chống trượt; độ phản quang; khối lượng bi thủy tinh	TCVN 8791:2011
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8791:2011; AASHTO T 250-05
	Xác định độ dính bám	AASHTO D 4541
	Xác định chiều dày vạch sơn	ISO 2808
	Xác định độ chịu dầu, muối, nước và kiềm	TCVN 8787:2011
	Phân loại hạt thủy tinh	BS 6088
41	THỬ NGHIỆM CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM	
	Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật; Xác định cường độ bê tông; Xác định khả năng chịu tải.	TCVN 10797:2015; TCVN 3118:2022
42	THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG ỨNG LỰC TRƯỚC, CỌC VÁN	
	Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật; Xác định cường độ bê tông; Xác định khả năng chịu tải.	TCVN 9114:2012 TCXDVN 274:2002 TCVN 3118:2022

5. Đơn vị chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng của Bộ Xây dựng và Cơ quan quản lý hoạt động xây dựng tại địa phương;

Phụ trách phòng thử nghiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)


Huỳnh Thanh Kiệt

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)




GIÁM ĐỐC
KS. Huỳnh Thanh Kiệt

